

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ sau thông tin Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân đề xuất lên Chính phủ giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho tất cả các doanh nghiệp

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm nhẹ khi NĐT cover lại vị thế LONG vào cuối phiên.

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

POW, MCH

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị chờ chỉ số xuất hiện thêm nhịp điều chỉnh mạnh hơn hoặc vượt qua được vùng kháng cự trước khi tăng tỷ trọng

15/09/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	896.26	+0.19
VN30	833.33	+0.13
HĐTL VN30F1M	833.00	-0.12
HNXIndex	127.93	+0.39
HNX30	237.23	+0.53
UPCoM	59.56	+0.25
USD/VND	23,177	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.82	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	37.18	-0.21
Vàng (LME, \$)	1,962.85	+0.31

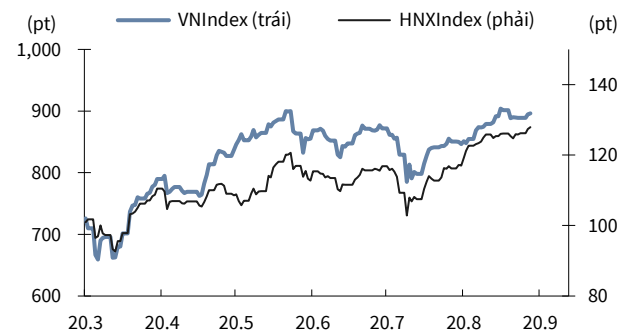


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	896.26 (+0.19%)
KLGD (triệu CP)	343.6 (+9.7%)
GTGD (triệu U\$)	289.4 (+5.1%)
HNXIndex	127.93 (+0.39%)
KLGD (triệu CP)	57.8 (+3.5%)
GTGD (triệu U\$)	26.2 (+0.1%)
UPCoM	59.56 (+0.25%)
KLGD (triệu CP)	23.3 (-32.8%)
GTGD (triệu U\$)	11.8 (-29.5%)
NĐTNN mua ròng (triệu U\$)	-15.7

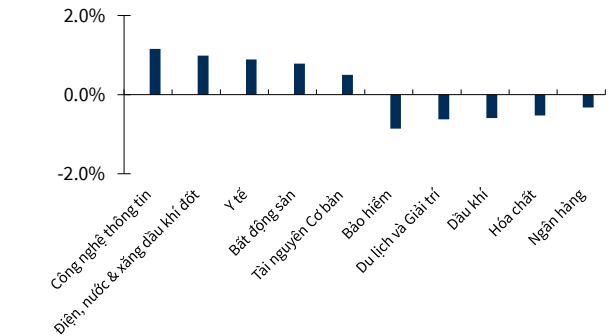
TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ sau thông tin Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân đề xuất lên Chính phủ giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho tất cả các doanh nghiệp, thay vì chỉ áp dụng với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỉ đồng như quy định hiện tại. Thông tin từ Hiệp hội thép Việt Nam cho biết sản lượng sản xuất và tiêu thụ thép toàn quốc trong tháng 8 đều tăng so với tháng 7, cũng là tháng tăng thứ 2 liên tiếp, giúp cổ phiếu ngành thép tăng giá ở HPG (+0.4%), HSG (+2.4%). Cổ phiếu ngành ngân hàng điều chỉnh ở VCB (-0.6%), CTG (-0.8%) sau thông tin ADB hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 xuống 1.8%, từ mức 4.1% đưa ra vào tháng 6. Việc Bộ Giao thông vận tải thông báo chưa mở lại đường bay thương mại quốc tế từ 15/9 khiến cổ phiếu ngành hàng không điều chỉnh ở VJC (-0.5%), HVN (-1.1%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở VHM (-0.9%), VNM (+0.5%), HDB (-1.2%).

VNIndex & HNXIndex



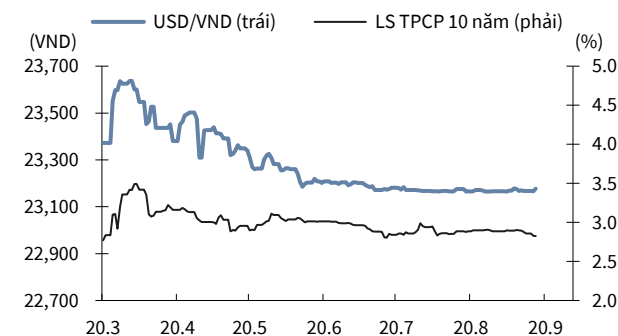
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



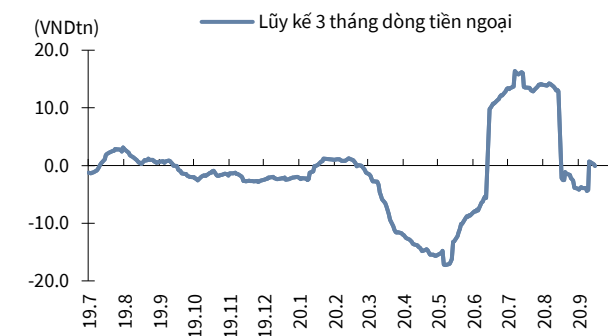
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



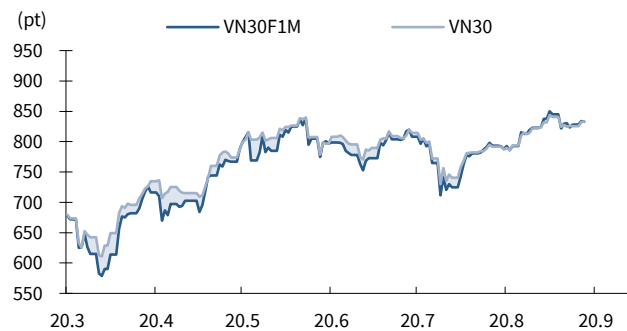
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	833.33 (+0.13%)
VN30F1M	833.0 (-0.12%)
Mở cửa	834.0
Cao nhất	835.9
Thấp nhất	832.0
KLGD (HĐ)	77,112 (-23.9%)

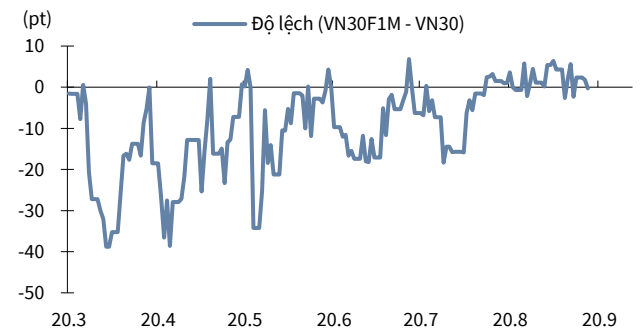
HĐTL giảm điểm nhẹ khi NĐT cover lại vị thế LONG vào cuối phiên. Chênh lệch F2009 và VN30 mở cửa ở mức 1.96 và tăng lên mức 2.6 khi thị trường cơ sở mở cửa tích cực nhưng sau đó đã thu hẹp dần và giao động trong ngưỡng hẹp -0.6 và 1.5, trước khi đóng cửa ở mức -0.3 khi NĐT cover vị thế LONG cuối phiên. NĐTNN bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tiếp tục sụt giảm xuống mức thấp khi gần đến ngày đáo hạn.

HĐTL VN30F1M & VN30



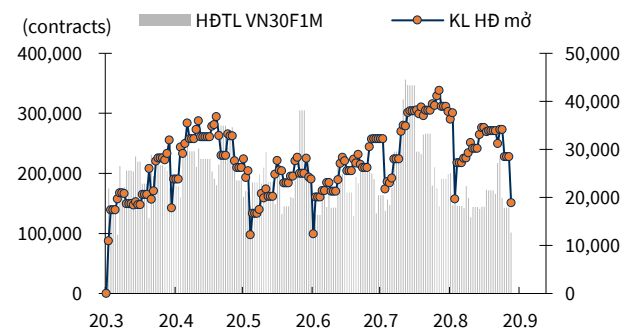
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



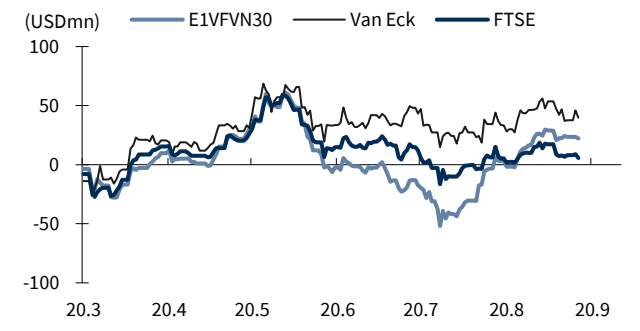
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

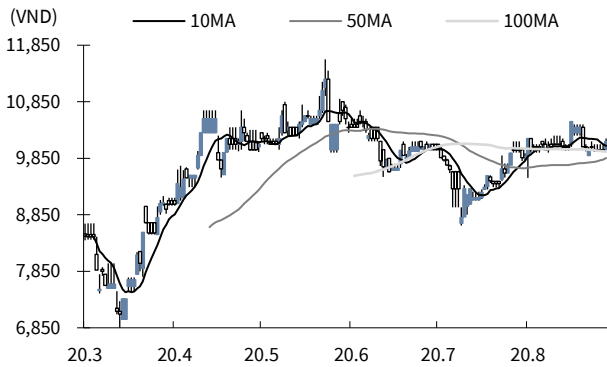
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

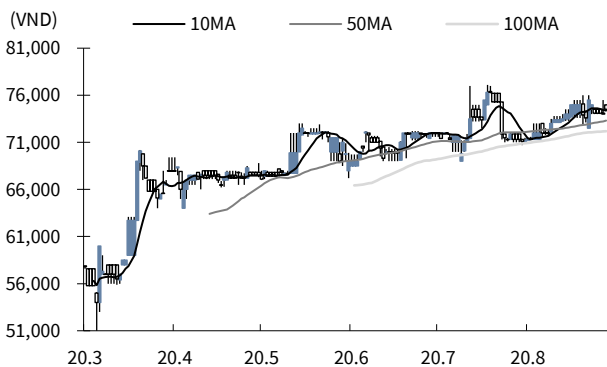
PV Power (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW tăng 1.5% lên 10,150 VNĐ/cp.
- POW công bố sản lượng điện tháng 8 đạt hơn 1.2 tỷ kWh (-35% YoY). Doanh thu từ sản xuất điện đạt 1.852 tỷ đồng (-31% YoY). Sản lượng cũng như doanh thu của POW sụt giảm trong tháng 8 chủ yếu có nguyên nhân từ việc năm nay mưa nhiều khiến EVN tăng cường mua điện từ các nhà máy thủy điện, do giá mua thấp hơn so với các nhà máy điện khí của POW.

Masan Consumer (MCH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MCH đi ngang đóng cửa ở 74,500 VNĐ/cp.
- MCH thông qua phương án phát hành gần 3.9 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), tương đương 0.55% vốn. Thời gian thực hiện dự kiến từ 15/9 đến 23/9. Giá phát hành theo công bố trước đó là 50,000 đồng/cp, thấp hơn 32,5% thị giá.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

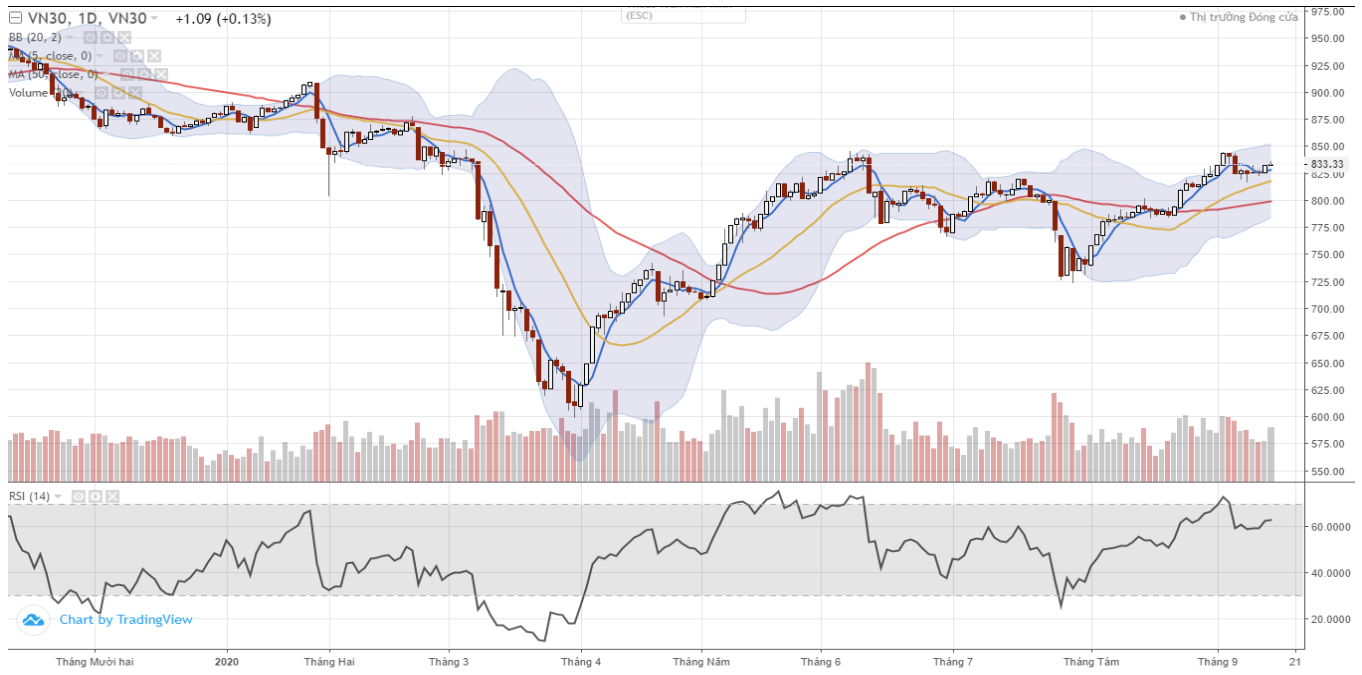
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

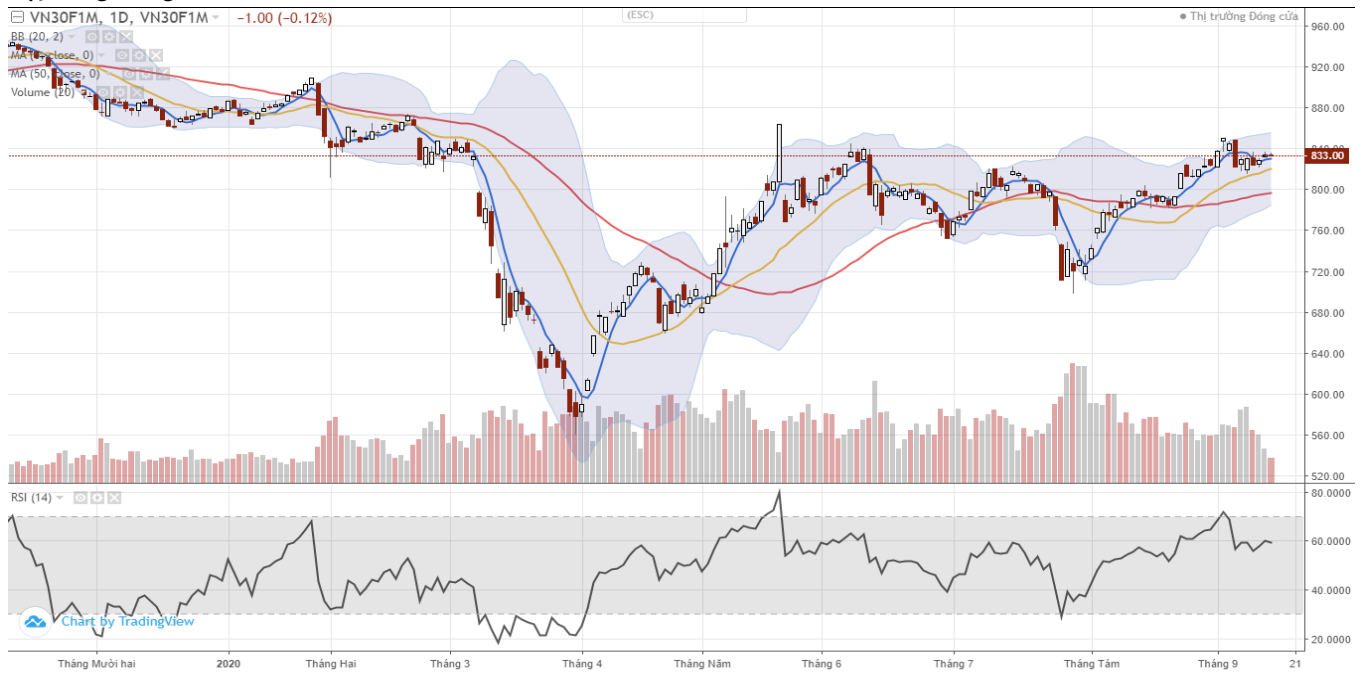
- VNIndex tăng điểm nhẹ nhưng với diễn biến giằng co đi ngang chủ đạo trong phiên.
- Với tín hiệu khá trung tính của nhịp đi ngang tại vùng cản 895-900, chưa có thêm manh mối để xác định rõ hơn xu hướng kế tiếp của chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị chờ chỉ số xuất hiện thêm nhịp điều chỉnh mạnh hơn hoặc vượt qua được vùng kháng cự trước khi tăng tỷ trọng.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 tăng/giảm nhẹ với diễn biến giằng co đi ngang chủ đạo trong phiên.
- Với tín hiệu khá trung tính của nhịp đi ngang tại vùng cản 833-837, chưa có thêm manh mối để xác định rõ hơn xu hướng kế tiếp của chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị linh hoạt giao dịch 2 chiều, ưu tiên mở vị thế SHORT khi chỉ số chạm kháng cự với điểm STOP chặt hoặc mở vị thế LONG tại vùng hỗ trợ gần trong phiên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

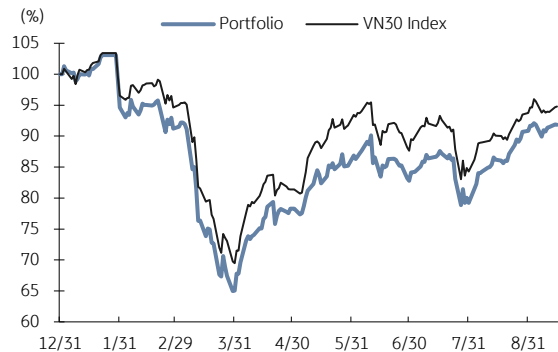
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.13%	-0.02%
Tăng lũy kế (YTD)	-5.20%	-8.15%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/09/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	92,900	-0.1%	-19.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,250	1.1%	5.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	59,900	-0.2%	-21.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	18,100	-0.3%	-8.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	38,950	-0.9%	14.6%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,000	1.4%	49.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,400	-0.8%	4.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	106,900	-0.5%	-17.3%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,700	0.4%	26.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	13,500	-0.4%	-1.5%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	2.0%	13.8%	32.6
E1VFN30	0.1%	98.5%	27.9
NLG	1.1%	47.9%	17.5
VRE	1.1%	30.6%	16.0
PHR	-0.3%	12.8%	11.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.9%	22.5%	-195.4
VNM	0.5%	58.5%	-44.3
HDB	-1.2%	20.7%	-25.1
GAS	1.3%	3.3%	-24.4
VCB	-0.6%	23.5%	-24.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
INN	2.9%	9.1%	0.5
SHS	4.4%	5.6%	0.3
NTP	2.2%	18.9%	0.1
WCS	0.6%	26.4%	0.1
SCI	-1.1%	0.0%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	0.0%	6.5%	-5.3
PVS	0.8%	10.4%	-0.8
VCS	-1.2%	3.1%	-0.7
IDC	-1.2%	0.3%	-0.4
TNG	4.7%	5.3%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	3.1%	GVR, DCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.9%	REE, GMD
Xây dựng và Vật Liệu	1.7%	BMP, PC1
Bất động sản	1.4%	VIC, PDR
Dịch vụ tài chính	1.3%	VCI, OGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.1%	BVH, BMI
Dầu khí	-3.0%	PLX, PVD
Truyền thông	-0.7%	YEG, PNC
Y tế	-0.1%	DHG, DBD
Ngân hàng	0.1%	CTG, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	15.6%	MWG, DGW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.2%	GEX, APH
Hóa chất	14.1%	GVR, DPM
Dịch vụ tài chính	11.2%	VCI, OGC
Dầu khí	10.2%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-0.3%	YEG, PNC
Tài nguyên Cơ bản	3.5%	DTL, SHI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.3%	TTE, S4A
Ô tô và phụ tùng	4.5%	CTF, HAX
Ngân hàng	5.0%	CTG, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	95,000	321,331 (13,864)	59,639 (2.6)	22.9	51.8	38.0	21.9	6.6	8.7	3.7	3.4	2.0	5.0	8.7	-17.4
	VHM	VINHOMES JSC	76,800	252,635 (10,900)	166,003 (7.2)	26.5	9.4	8.2	34.8	38.3	30.6	3.0	2.2	-0.9	-2.2	-3.6	-9.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,900	65,670 (2,833)	78,702 (3.4)	18.4	25.9	19.1	2.8	9.1	11.7	2.3	2.2	1.0	2.1	7.6	-15.0
	NVL	NO VA LAND INVES	63,800	61,939 (2,672)	77,726 (3.4)	32.7	17.0	17.7	1.8	14.3	11.9	2.4	-	0.2	1.8	1.1	7.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,500	13,691 (591)	14,313 (0.6)	6.2	12.6	10.5	14.7	14.1	15.8	1.6	1.5	0.4	0.6	4.8	-4.4
	DXG	DAT XANH GROUP	10,100	5,235 (226)	45,387 (2.0)	13.5	7.4	5.0	-29.0	7.4	14.0	0.6	0.5	-0.5	3.3	4.3	-30.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	82,500	305,982 (13,202)	104,681 (4.5)	6.5	18.2	15.3	11.7	19.8	19.2	3.1	2.6	-0.6	0.0	0.6	-8.5
	BID	BANK FOR INVESTM	40,750	163,897 (7,072)	52,314 (2.3)	12.4	34.9	20.2	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	0.6	-0.2	4.5	-11.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,350	74,728 (3,224)	50,356 (2.2)	0.0	7.4	6.2	3.6	15.6	15.5	1.0	0.9	-0.7	-0.7	7.8	-9.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,400	94,574 (4,081)	128,439 (5.5)	0.0	13.7	11.1	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	-0.8	-0.6	8.1	21.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,050	56,190 (2,424)	98,686 (4.3)	0.0	7.2	6.2	1.6	16.7	16.2	1.1	1.0	-0.6	0.7	7.7	15.3
	MBB	MILITARY COMMERC	18,100	43,647 (1,883)	87,105 (3.8)	0.0	6.0	5.1	8.0	18.0	17.6	0.9	0.8	-0.3	1.7	5.5	-13.0
	HDB	HDBANK	29,900	28,881 (1,246)	34,726 (1.5)	9.3	7.2	6.3	20.1	20.2	20.1	1.2	1.1	-1.2	1.7	9.1	8.5
	STB	SACOMBANK	11,600	20,922 (903)	97,343 (4.2)	14.3	12.9	8.2	1.6	6.8	9.0	0.7	0.7	2.7	3.1	8.4	15.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,950	18,740 (809)	13,158 (0.6)	0.0	6.5	5.1	26.3	22.5	20.2	1.2	1.0	-0.4	0.0	9.0	9.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,900	20,777 (896)	4,754 (0.2)	0.1	36.3	34.8	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	-1.2	-1.2	-0.6	-5.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	48,050	35,669 (1,539)	46,581 (2.0)	20.7	29.2	24.7	2.6	6.3	7.7	1.8	1.7	-1.1	-3.7	4.8	-30.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,550	2,243 (097)	10,137 (0.4)	14.2	-	-	-	8.2	9.1	1.0	0.9	0.2	-0.2	9.4	-1.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,800	9,495 (410)	81,617 (3.5)	51.7	10.9	8.8	-16.8	9.0	10.6	0.9	0.8	0.3	0.0	8.2	1.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	28,200	4,667 (201)	26,169 (1.1)	71.4	10.1	7.8	-24.9	11.1	13.0	1.1	1.0	0.7	2.9	27.9	-4.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	19,950	6,086 (263)	61,137 (2.6)	51.2	13.6	8.5	-22.5	11.0	17.1	1.4	1.3	1.3	1.8	11.5	-6.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,750	2,659 (115)	7,302 (0.3)	13.8	11.5	7.2	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.7	0.8	3.2	9.9	-11.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	124,800	217,324 (9,377)	162,552 (7.0)	41.5	20.9	19.4	6.6	37.8	38.2	7.3	6.5	0.5	0.5	6.9	7.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	188,200	120,689 (5,207)	20,524 (0.9)	36.8	29.8	25.7	-1.0	20.9	23.2	6.0	5.4	0.0	-1.6	1.7	-17.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	55,400	65,077 (2,808)	71,862 (3.1)	10.9	73.7	28.7	-57.2	2.2	6.0	1.5	1.6	-0.4	1.1	3.7	-1.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,150	13,469 (581)	26,386 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.6	-2.8	-0.4	-12.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	106,900	55,998 (2,416)	47,052 (2.0)	12.3	-	16.2	-	8.9	21.4	3.5	3.2	-0.5	0.1	6.3	-26.9
	GMD	GEMADEPT CORP	23,500	6,978 (301)	16,742 (0.7)	0.0	18.2	16.3	-54.7	6.9	7.5	1.2	1.2	0.2	7.1	13.5	0.9
	CII	HO CHI MINH CITY	18,100	4,323 (187)	24,338 (1.1)	34.5	9.1	8.5	142.2	9.6	9.4	0.8	0.8	0.6	0.6	4.3	-19.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,200	1,249 (054)	12,060 (0.5)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	0.5	0.5	-3.1	-87.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	25,350	11,914 (514)	182,626 (7.9)	33.5	31.1	13.3	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.2	-2.1	21.0	31.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	72,900	5,562 (240)	48,153 (2.1)	2.2	9.6	9.6	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.6	0.3	-0.3	-7.1	42.1
	REE	REE	38,950	12,076 (521)	15,807 (0.7)	0.0	7.9	7.0	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	-0.9	6.1	10.3	7.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtrệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	72,300	138,379 (5,971)	45,501 (2.0)	45.7	18.5	14.5	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	1.3	0.4	0.0	-22.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,950	6,895 (297)	6,665 (0.3)	30.2	9.8	9.7	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.6	-1.0	4.8	10.4	10.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,350	7,807 (337)	5,309 (0.2)	32.8	8.4	8.9	-8.9	15.5	14.5	1.3	1.3	-0.2	2.3	5.2	-9.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,700	81,838 (3,531)	301,635 (13.0)	13.9	8.7	7.3	3.7	18.1	19.4	1.5	1.3	0.4	0.2	2.5	26.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,100	6,692 (289)	64,034 (2.8)	37.8	11.1	12.0	-0.7	8.9	7.9	0.8	0.8	-0.3	5.2	22.1	32.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	10,050	5,320 (230)	22,310 (1.0)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	1.0	10.3	16.7	54.6
	HSG	HOA SEN GROUP	13,000	5,776 (249)	117,674 (5.1)	39.7	6.9	7.0	45.8	14.4	12.5	0.9	0.8	2.4	11.6	16.1	74.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,250	2,587 (112)	38,331 (1.7)	97.6	5.8	6.6	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	-0.8	-3.2	0.0	-3.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	49,500	59,688 (2,575)	83,804 (3.6)	4.4	48.1	17.7	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	-0.6	-3.3	6.2	-11.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,100	4,675 (202)	64,880 (2.8)	37.1	43.5	22.3	-15.6	0.9	0.8	0.3	0.3	-0.4	0.9	7.2	-26.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	12,100	3,405 (147)	22,365 (1.0)	28.5	7.9	6.9	-18.0	9.2	9.9	0.6	0.6	4.3	3.9	14.2	-28.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	92,900	42,054 (1,814)	86,423 (3.7)	0.0	11.9	9.3	9.3	26.5	27.4	2.7	2.2	-0.1	-0.2	11.8	-18.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	59,900	13,485 (582)	38,527 (1.7)	0.0	15.4	12.9	-1.8	21.3	23.2	2.7	2.5	-0.2	0.2	6.0	-30.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	49,700	1,466 (063)	584 (0.0)	69.3	20.9	15.2	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.3	-0.4	-0.8	-0.6	34.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,800	1,959 (085)	16,424 (0.7)	13.2	16.6	11.2	-41.1	9.1	12.6	1.4	1.2	-1.2	6.2	8.3	17.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	59,200	8,022 (346)	81,471 (3.5)	36.3	7.6	7.3	29.4	36.8	29.8	2.7	2.3	-0.3	3.0	9.6	55.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,000	13,467 (581)	1,236 (0.1)	45.3	20.2	18.7	8.0	20.3	19.8	3.8	3.6	0.9	-1.9	7.3	12.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	70,200	5,266 (227)	3,580 (0.2)	37.9	14.9	-	7.3	16.4	-	2.4	-	0.0	0.3	9.7	29.3
IT	FPT	FPT CORP	50,000	39,195 (1,691)	91,906 (4.0)	0.0	11.5	9.9	18.3	23.9	25.0	2.4	2.2	1.4	1.0	4.6	-1.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.